TẬP ĐOÀN CN THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY THAN HẠ LONG - TKV

BẢNG TÍNH VÀ THANH TOÁN LƯƠNG KHỐI VĂN PHÒNG

Đơn vị: 06-Phòng KT An toàn và BHLĐ

Tháng 12 năm 2019

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP			Lương Chủ nhật		Lương phép		Lương QS-ĐD-DT ƯCSC		Giờ PN	PC HĐCĐ	PC trách nhiệm		Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ							Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Công	XL	Lương	Công	Lương	Công	Lương	Công	Lương			HS	Tiền		BHXH	BHYT	BHTN	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	Phí ở chung cư	Thuế TNCN			
1	**01**	**Tổ quản lý**			**75**		**38.718.000**	**6**	**2.978.000**	**52**	**13.786.308**				**3.045.000**			**58.527.308**	**1.655.400**	**310.500**	**207.000**	**585.300**	**165.000**		**400.000**	**3.323.200**	**55.204.108**	
1	HL-00117	Đỗ Văn Đại	Trưởng phòng	6.988.000	25	A	14.904.000	2	1.146.000	16	4.300.308				1.305.000			21.655.308	559.100	104.900	69.900	216.600	55.000			1.005.500	20.649.808	
2	HL-02795	Vũ Quang Hiếu	Phó phòng	6.545.000	25	A	11.907.000			18	4.531.154				870.000			17.308.154	523.700	98.200	65.500	173.100	55.000		400.000	1.315.500	15.992.654	
3	HL-03678	Phạm Khắc Phan	Phó phòng	7.157.000	25	A	11.907.000	4	1.832.000	18	4.954.846				870.000			19.563.846	572.600	107.400	71.600	195.600	55.000			1.002.200	18.561.646	
2	**08**	**Tổ chuyên viên**			**173**		**60.900.734**	**13**	**4.410.000**	**57**	**12.701.999**	**3**	**1.050.000**	**62.256**	**870.000**	**0,30**	**447.000**	**80.441.987**	**3.283.400**	**615.800**	**410.800**	**804.500**	**385.000**	**312.000**	**800.000**	**6.611.500**	**73.830.487**	
4	HL-00877	Đậu Anh Tú	Chuyên viên	5.411.000	25	A	9.960.911	1	378.000	14	2.913.615					0,30	447.000	13.699.526	432.900	81.200	54.200	137.000	55.000		400.000	1.160.300	12.539.226	
5	HL-00978	Chu Quang Nam	Chuyên viên	5.411.000	25	A	10.013.102	4	1.512.000	14	2.913.615				870.000			15.308.717	432.900	81.200	54.200	153.100	55.000		400.000	1.176.400	14.132.317	
6	HL-03497	Nguyễn Mạnh Hùng	Chuyên viên	5.966.000	23	A	7.636.699					3	1.050.000					8.686.699	477.300	89.500	59.700	86.900	55.000			768.400	7.918.299	
7	HL-03553	Ngô Văn Hòe	Chuyên viên	5.966.000	25	A	8.300.759											8.300.759	477.300	89.500	59.700	83.000	55.000			764.500	7.536.259	
8	HL-00311	Ngô Văn Khánh	Chuyên viên	6.056.000	25	A	8.344.251	4	1.260.000	14	3.260.923							12.865.174	484.500	90.900	60.600	128.700	55.000	312.000		1.131.700	11.733.474	
9	HL-02733	Trần Thị Đức	Chuyên viên	5.966.000	25	A	8.300.759							62.256				8.363.015	477.300	89.500	59.700	83.600	55.000			765.100	7.597.915	
10	HL-00394	Phạm Văn Khánh	Chuyên viên	6.264.000	25	A	8.344.251	4	1.260.000	15	3.613.846							13.218.097	501.200	94.000	62.700	132.200	55.000			845.100	12.372.997	
3	**10**	**Tổ giám sát an toàn**			**294**		**103.039.266**	**39**	**12.789.000**	**178**	**37.097.383**	**7**	**2.450.000**					**155.375.645**	**5.204.000**	**976.300**	**651.100**	**1.554.000**	**660.000**	**543.000**		**9.588.400**	**145.787.245**	
11	HL-01965	Vũ Văn Thoại	Giám sát AT HL	5.682.000	19	A	6.341.631	3	945.000			7	2.450.000					9.736.631	454.600	85.300	56.900	97.400	55.000	231.000		980.200	8.756.431	
12	HL-01392	Đỗ Văn Hưởng	Giám sát AT HL	5.682.000	25	A	9.960.911			17	3.715.154							13.676.065	454.600	85.300	56.900	136.800	55.000			788.600	12.887.465	
13	HL-02916	Trần Văn Quý	Giám sát AT HL	5.966.000	25	A	10.013.102	4	1.512.000	17	3.900.846							15.425.948	477.300	89.500	59.700	154.300	55.000	312.000		1.147.800	14.278.148	
14	HL-04402	Lưu Văn Hiệu	Giám sát AT HL	5.154.000	25	A	10.013.102	4	1.512.000	15	2.973.462							14.498.564	412.400	77.400	51.600	145.000	55.000			741.400	13.757.164	
15	HL-03935	Bùi Công Thìn	Giám sát AT HL	6.056.000	25	A	8.344.251	4	1.260.000	18	4.192.615							13.796.866	484.500	90.900	60.600	138.000	55.000			829.000	12.967.866	
16	HL-02007	Trần Văn Hùng	Giám sát AT HL	5.966.000	25	A	8.344.251	4	1.260.000	17	3.900.846							13.505.097	477.300	89.500	59.700	135.100	55.000			816.600	12.688.497	
17	HL-02657	Hoàng Văn Hậu	Giám sát AT HL	4.908.000	25	A	8.344.251	4	1.260.000	15	2.831.538							12.435.789	392.700	73.700	49.100	124.400	55.000			694.900	11.740.889	
18	HL-00838	Nguyễn Khắc Phúc	Giám sát AT HL	5.411.000	25	A	8.344.251	4	1.260.000	16	3.329.846							12.934.097	432.900	81.200	54.200	129.300	55.000			752.600	12.181.497	
19	HL-00792	Nguyễn Xuân Hưng	Giám sát AT HL	4.745.000	25	A	8.300.759			16	2.920.000							11.220.759	379.700	71.200	47.500	112.200	55.000			665.600	10.555.159	
20	HL-04145	Trần Quang Duy	Giám sát AT HL	5.411.000	25	A	8.344.251	4	1.260.000	16	3.329.846							12.934.097	432.900	81.200	54.200	129.300	55.000			752.600	12.181.497	
21	HL-04394	Nguyễn Văn Mạnh	Giám sát AT HL	5.154.000	25	A	8.344.251	4	1.260.000	16	3.171.692							12.775.943	412.400	77.400	51.600	127.800	55.000			724.200	12.051.743	
22	HL-01635	Lê Xuân Trường	Giám sát AT HL	4.908.000	25	A	8.344.251	4	1.260.000	15	2.831.538							12.435.789	392.700	73.700	49.100	124.400	55.000			694.900	11.740.889	
Tổng cộng					**542**		**202.658.000**	**58**	**20.177.000**	**287**	**63.585.690**	**10**	**3.500.000**	**62.256**	**3.915.000**	**0,30**	**447.000**	**294.344.940**	**10.142.800**	**1.902.600**	**1.268.900**	**2.943.800**	**1.210.000**	**855.000**	**1.200.000**	**19.523.100**	**274.821.840**	

Quảng Ninh, ngày 17 tháng 01 năm 2020

LẬP BIỂU	PHÒNG TCLĐ	KẾ TOÁN TRƯỞNG	P.GIÁM ĐỐC
Mã Thành Trung	**Nguyễn Văn Thỏa**	**Đặng Thanh Lam**	**Phạm Văn Hùng**